

TÌM HIỂU “KHOẢN HỘ” TRONG NÔNG NGHIỆP Ở VINH PHÚC TRƯỚC ĐỔI MỚI

ThS NGUYỄN THỊ HỒNG MAI*

Qua hơn 20 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện được bắt đầu từ Đại hội VI của Đảng, nước ta đã đạt những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên nhiều lĩnh vực. Đó là kết quả của quá trình tìm tòi, khảo nghiệm của toàn Đảng, toàn dân về con đường đi lên CNXH phù hợp với thực tế Việt Nam và xu thế phát triển khách quan của xã hội loài người. Một trong những cơ sở hình thành đường lối đổi mới của Đảng là sự kế thừa và phát triển những kinh nghiệm được đúc kết từ thực tiễn của các cấp bộ đảng, sự sáng tạo của quần chúng nhân dân từ cơ sở. Đại hội X của Đảng khẳng định: “Những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân có vai trò quan trọng trong việc hình thành đường lối đổi mới của Đảng”¹. Trong quá trình đó, Vinh Phúc là một trong những địa phương đã sớm mạnh dạn tiến hành tìm tòi, thử nghiệm đổi mới cơ chế quản lý trong sản xuất nông nghiệp.

Giữa những năm 60 của thế kỷ XX, trong khi chế độ “ba khoán” đang được mở rộng ở nhiều địa phương thì ở Vinh Phúc, một cách làm ăn mới đã xuất hiện, đó là “khoản hộ”. Cùng với những khó khăn chung của cả nước, sản xuất nông nghiệp ở Vinh Phúc thời kỳ này cũng trong tình trạng thấp kém. Năm 1966, diện tích, sản lượng một số loại cây

trồng không đạt kế hoạch. Năng suất lúa chỉ đạt 70% và sản lượng lương thực đạt hơn 80% so với năm 1965. Đời sống nhân dân gặp rất nhiều khó khăn, bức bách. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Vinh Phúc đã kiểm điểm và chỉ ra nguyên nhân của thực trạng đó là công tác lãnh đạo, chỉ đạo nông nghiệp đã chủ quan, duy ý chí, xa thực tế, chủ trương đưa HTX nông nghiệp lên quy mô lớn, chuyển từ bậc thấp lên bậc cao quá nhanh, trong khi khâu quản lý còn bất cập. HTX thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng một cách ồ ạt, tràn lan, không quản lý nổi, người nông dân thiếu động lực, không gắn bó với sản xuất dẫn đến tình trạng “rong công phóng điểm” diễn ra phổ biến.

Trước thực tế đó, sau nhiều lần họp bàn, vụ Đông - Xuân 1965-1966, Tỉnh ủy Vinh Phúc quyết định tiến hành thí điểm cải tiến quản lý HTX với nội dung khoán đến hộ gia đình xã viên ở 3 xã của huyện Vinh Tường. Kết quả cho thấy, năng suất lúa ở các địa phương này đều tăng. Ở HTX Thôn Thượng, năng suất lúa đạt 4 tấn/ha. Chi phí về quản lý giảm, bảo đảm kết hợp được ba lợi ích trong phân phối. Sau đó, nhiều HTX trên địa bàn tự phát làm thử cách khoán trên. Sau một thời gian trầm trở, tìm tòi đổi mới quản lý trong nông nghiệp, ngày 10-9-1966, Tỉnh ủy Vinh Phúc ra Nghị quyết số 68-NQ/TU “Về một số vấn đề quản lý lao động nông nghiệp trong hợp tác xã hiện nay”. Nghị quyết đã nêu 5 nhiệm vụ cụ thể:

* Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

1. Ra sức mở rộng kinh doanh toàn diện, phát triển nhiều ngành nghề trong HTX để tận dụng hết mọi khả năng lao động, phát triển sản xuất, tăng thu nhập, tăng tích lũy, nâng cao đời sống xã viên.

2. Kiên quyết thực hiện đúng và tốt chế độ ba khoán: khoán việc cho nhóm, cho lao động và cho hộ nhằm bảo đảm sử dụng hợp lý sức lao động và tăng năng suất.

3. Tích cực cải tiến công cụ sản xuất, trang bị cơ khí nhỏ nhằm không ngừng xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật, sử dụng hợp lý, tiết kiệm sức lao động và tăng năng suất lao động trong nông nghiệp.

4. Xác định đúng đắn thái độ lao động, định mức nghĩa vụ lao động cho từng loại lao động nhằm đảm bảo huy động, sử dụng hết khả năng ngày, giờ, kỹ năng lao động của xã viên, phục vụ thâm canh, tăng năng suất.

5. Giải quyết một số vấn đề có liên quan đến việc sử dụng hợp lý sức lao động nông nghiệp và tăng năng suất lao động nông nghiệp.

Nghị quyết tập trung nêu rõ nhiệm vụ thứ hai về thực hiện chế độ “ba khoán”, khẳng định khi lao động nông nghiệp có xu hướng ngày càng giảm, vấn đề tổ chức hợp lý hoá sản xuất các khả năng lao động trở nên cấp thiết. Một trong những vấn đề tổ chức, hợp lý hoá sản xuất có tầm đặc biệt quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động là tổ chức thực hiện tốt chế độ “ba khoán”. Nghị quyết nhấn mạnh: Thực hiện tốt “ba khoán” sẽ giải quyết được vấn đề tăng năng suất lao động một cách thiết thực, tạo động lực kích thích tính tích cực, chủ động, nâng cao năng suất lao động của từng người, từng nhóm, tập thể HTX, từ đó tránh được sự ỷ lại, dựa dẫm, lười biếng, tự do, tùy tiện. Nhờ đó, lao động sẽ được quản lý chặt chẽ, có kỷ luật tự giác, tiết kiệm sức lao động, tận dụng khả năng sức lao động phụ, lao động nhàn rỗi trong các gia đình, đồng thời khắc phục tình trạng quan liêu, thoát ly sản xuất, xa rời quần chúng, tham ô, tư lợi của cán

bộ cơ sở. Nghị quyết cũng chỉ ra những khó khăn khi triển khai thực hiện chế độ ba khoán ra diện rộng, trong đó trở ngại lớn nhất vẫn là tư tưởng bảo thủ, tác phong, lề lối làm việc tùy tiện, giản đơn, đại khái, giải quyết công việc theo cảm tính cá nhân. Một số cán bộ, đảng viên quen ỷ lại, dựa dẫm, tính toán tư lợi, không muốn thực hiện cái mới.

Sau khi có Nghị quyết của Tỉnh uỷ, phong trào “ba khoán” và “khoán việc” đã phát triển rộng khắp các HTX trong toàn tỉnh và năng suất, lợi ích của người lao động trong khoán được nâng lên rõ rệt. Trong lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi đã xuất hiện một số hình thức khoán. Cụ thể:

- *Hợp tác xã khoán cho hộ làm một hoặc nhiều khâu sản xuất trong một thời gian dài.* Cách khoán này được thực hiện ở Lập Thạch và Bình Xuyên. Các hộ xã viên nhận khoán từ đội sản xuất một số diện tích nhất định và được giao làm từ một đến nhiều khâu trong quá trình sản xuất.

- *Khoán cho hộ nhiều khâu trong một vụ,* cách khoán này được tiến hành trong các HTX ở Vĩnh Tường. Nội dung của khoán là sau khi HTX làm đất xong thì giao cho hộ xã viên nhận toàn bộ các khâu còn lại.

- *Khoán sản lượng cho hộ, cho nhóm.* Hình thức khoán này được áp dụng ở nhiều huyện, trong đó nhiều nhất là ở hai huyện Lập Thạch và Bình Xuyên. Cách tính định mức giao khoán là: người nhận khoán được hưởng mỗi sào 13 công (130 diêm) nếu hoàn thành đúng mức khoán sản lượng, vượt 5kg được thưởng 1 công, nếu hụt 3kg phạt 1 công.

- *Khoán trồng ruộng đất cho hộ.* HTX giao ruộng đất cho xã viên tự sản xuất từ khâu làm đất đến thu hoạch và khoán sản lượng. Cách khoán này được thực hiện ở HTX Tân Lập, huyện Lập Thạch. Thực chất cách khoán này là giao ruộng cho xã viên sản xuất, gắn trách nhiệm người lao động với sản phẩm cuối cùng, do đó đã tạo động lực thúc đẩy sản xuất phát triển. Hình thức khoán này được nông dân hưởng ứng mạnh mẽ và trở

thành phong trào quần chúng rộng rãi trong toàn tỉnh. Như vậy, trong thực tế không chỉ có khoán việc mà lúc này hình thức khoán sản lượng cho hộ xã viên cũng được xuất hiện.

Cùng với các hình thức khoán trên, các HTX trong tỉnh đã bán một số lớn tư liệu sản xuất cho xã viên như xe cải tiến, cào cỏ cải tiến, cày bừa... Việc giao một phần các tư liệu sản xuất cho xã viên đã khắc phục được bước đầu tình trạng vô chủ trong quản lý các tư liệu lao động trong HTX nông nghiệp. Theo báo cáo tổng kết năm 1967 của tỉnh Vĩnh Phúc, qua hai vụ sản xuất đã có 76% số đội sản xuất trong tỉnh áp dụng hình thức khoán, toàn tỉnh có 75% số HTX thực hiện khoán hộ, tổng sản lượng quy thóc năm 1967 đạt 222.000 tấn, tăng 4000 tấn so với năm 1966; có 2 huyện, 46 xã và 160 HTX (bằng hơn 70% số HTX) đạt trên 7 tấn/ha. Không những khoán hộ trong trồng trọt (chủ yếu là trồng lúa) mà nhiều HTX còn khoán hộ cả về chăn nuôi lợn, cứ 1 con lợn được HTX chi 40 công nuôi, 30 đồng tiền giống, 10 thước ruộng để sản xuất thức ăn. Mỗi hộ xã viên phải nộp cho HTX 40 kg thịt lợn và 400 kg phân chuồng. Với cách làm này, đến cuối năm 1967 đã có 230 hộ đăng ký nhận khoán. Năm 1967, tổng đàn lợn trong tỉnh có 307.000 con, tăng 20% so với năm 1966².

Như vậy, chủ trương khoán hộ ở Vĩnh Phúc đã mang lại hiệu quả rõ rệt. Đó là bước khởi đầu cho một tư duy mới về quản lý kinh tế nông nghiệp nói chung, kinh tế HTX nói riêng. Vấn đề ba khoán đã được áp dụng từ trước, nhưng Nghị quyết số 68 NQ/TU năm 1966 của Tỉnh ủy Vĩnh Phúc chỉ ra rằng tập trung khoán việc cho lao động, cho nhóm và cho hộ mới bảo đảm hiệu quả của khoán mới. Việc xác định số lao động để giao khoán trên cơ sở từng hộ gia đình xã viên là hình thức khoán có hiệu quả. Với nhiều hình thức khoán khác nhau, khoán hộ phù hợp với tâm lý, khả năng lao động, trình độ quản lý điều hành của cán bộ và phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất hiện tại. Hình thức khoán hộ đã mang

lại những kết quả nhất định trong việc huy động, sử dụng các khả năng lao động, tăng thu nhập cho tập thể và hộ gia đình xã viên, tạo động lực khuyến khích xã viên hăng hái sản xuất, giảm đáng kể các hiện tượng tiêu cực trong các HTX...

Tuy nhiên, Nghị quyết số 68 của Tỉnh ủy Vĩnh Phúc ở thời điểm này không phù hợp với chủ trương đẩy mạnh phong trào hợp tác hoá của Trung ương và được coi là một sự “vượt rào”. Vì vậy, sau hai năm tiến hành khoán, ngày 12-12-1968, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Thông tri số 224-TT/TW “Về chấn chỉnh công tác ba khoán và quản lý ruộng đất của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở một số địa phương”. Thông tri đã chỉ ra những khuyết điểm, sai lầm của vấn đề “ba khoán cho hộ”, như: buông lỏng quản lý, khoán trắng ruộng đất, khoán trồng trọt, khoán chăn nuôi, khoán cả công cụ sản xuất cho hộ dẫn đến việc tư hữu hoá tư liệu sản xuất. Cách khoán như vậy ảnh hưởng đến việc phát triển kinh tế tập thể, “kinh tế cá thể lấn kinh tế tập thể”, “trái với đường lối hợp tác hóa nông nghiệp của Đảng”. Sau đó, chủ trương khoán hộ ở Vĩnh Phúc được chấn chỉnh nên việc khoán mới chưa được phổ biến rộng.

Mặc dù vậy, thực tiễn “khoán hộ” đã phản ánh một xu hướng tích cực trong việc tìm kiếm cách làm ăn mới, quản lý mới trong sản xuất nông nghiệp. Những kết quả bước đầu của quá trình tìm tòi đổi mới cơ chế quản lý ở một số địa phương như Vĩnh Phúc đã trở thành một trong những cơ sở thực tiễn ban đầu để Đảng ta nghiên cứu, tìm tòi đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp.

Từ cuối thập niên 70, sau nhiều lần củng cố, phát triển HTX, qua nhiều vòng cải tiến quản lý, mô hình hợp tác hoá, tập thể hoá cùng với cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp đã bộc lộ rõ những yếu kém bất cập, cản trở lớn đối với sản xuất nông nghiệp. Trước sự khủng hoảng của mô hình quản lý và sự giảm sút sản xuất nông nghiệp, một số tổ chức đảng

và quần chúng đã tự tìm cách làm mới. Từ đầu năm 1975, ở một số nơi đã xuất hiện hình thức khoán đến hộ gia đình, hoặc cho xã viên mượn đất, khuyến khích xã viên khai hoang, phục hoá đất đai để sản xuất. Một lần nữa ở Vĩnh Phúc và ở một số địa phương, vấn đề khoán hộ đã xuất hiện trở lại nhưng dưới hình thức “khoán sản phẩm”.

Trước những đòi hỏi bức xúc của tình hình đời sống kinh tế - xã hội, HNTU 6 (Khoá IV) tháng 8-1979 quyết định những vấn đề cấp bách về kinh tế - xã hội, đề ra chủ trương nhằm khuyến khích mọi năng lực sản xuất phát triển. Tư tưởng mới của Hội nghị là tháo gỡ sự trói buộc của cơ chế quản lý cũ, làm cho sản xuất “bung ra” theo đường lối của Đảng, kế hoạch của Nhà nước. Nghị quyết Hội nghị đã tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương, các ngành mạnh dạn tiến hành những cuộc thử nghiệm, tìm tòi cách làm ăn mới nhằm khai thác tối đa mọi tiềm năng kinh tế, phát triển sản xuất.

Thực hiện NQTU 6, các cấp uỷ ở Vĩnh Phú³ tiếp tục làm thử việc khoán sản phẩm. Tháng 8-1979, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 13-NQTU thực hiện khoán cây màu trong vụ chính. Ngay sau khi thực hiện thử nghiệm khoán cây màu bước đầu đạt kết quả tốt, Tỉnh uỷ đã giao cho Ban quản lý HTX nông nghiệp chỉ đạo làm thử khoán cây lúa ở HTX nông nghiệp Thổ Tang (Vĩnh Lạc). Vụ mùa năm 1980, Tỉnh uỷ chỉ đạo chọn hai HTX nông nghiệp là Đồng Văn và Thổ Tang làm nơi thực hiện khoán thí điểm cây lúa. Tại hai HTX này, hộ xã viên chịu trách nhiệm 3 khâu: gieo cấy, chăm sóc và thu hoạch; HTX chịu trách nhiệm 5 khâu: giống, phân bón, nước, làm đất, bảo vệ thực vật. Phương thức khoán mới phát huy tác dụng: năng suất và sản lượng tăng, chi phí sản xuất giảm, giá trị ngày công cao hơn. Tại huyện Vĩnh Lạc, tháng 9-1980, Huyện uỷ đã xây dựng kế hoạch thực hiện khoán sản lượng đối với cây lúa cho xã viên HTX và quyết định thực hiện ở 40 HTX trong huyện từ vụ Đông - Xuân 1980-1981.

Cùng với Vĩnh Phú, cuối năm 1979, đầu năm 1980, hình thức khoán sản phẩm còn được thực hiện ở một số địa phương khác, trong đó, tiêu biểu là ở Hải Phòng⁴. Trước tình hình trên, để lựa chọn một quyết định đúng đắn cho việc khoán hộ, ngày 21-10-1980, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Thông báo số 22-TB/TW cho ý kiến về công tác khoán trong HTX và đội sản xuất, ghi nhận và đánh giá những tác dụng tích cực của hình thức khoán mới, cho phép các địa phương làm thử hình thức khoán sản phẩm đối với cây lúa. Với thái độ nghiêm túc và thận trọng, Thông báo số 22 nhấn mạnh yêu cầu chặt chẽ trong việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện..., không nên coi cách khoán sản phẩm cho xã viên là hình thức duy nhất. Vấn đề mà Ban Bí thư quan tâm là nếu việc khoán thực hiện không đúng và có những sai lệch sẽ làm suy yếu HTX và trận địa XHCN ở nông thôn. Do đó, Ban Bí thư khẳng định chủ trương điều chỉnh quy mô các HTX và đội sản xuất cho phù hợp với cơ sở vật chất và trình độ quản lý của cán bộ. Xuất phát từ thực tiễn một số địa phương thực hiện phương thức khoán đã đem lại kết quả tốt, tuy nhiên cũng nảy sinh hiện tượng tiêu cực, đó là “khoán trắng”. Vì vậy, Trung ương chủ trương phải kiên quyết và kịp thời sửa chữa tình trạng này, tiếp tục nghiên cứu vận dụng hình thức khoán sản phẩm cho người lao động trong các cây vụ đông, cây màu, cây công nghiệp và cây lúa.

Sau khi có Thông báo số 22 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, cơ chế khoán hộ được triển khai rộng rãi ở nhiều HTX trên các tỉnh vùng đồng bằng, trung du, miền núi. Từ kết quả thực tiễn cải tiến cơ chế quản lý trong sản xuất nông nghiệp ở một số địa phương, HNTU 9 (khoá IV) tháng 12-1980 đã quyết định mở rộng việc thực hiện và hoàn thiện các hình thức khoán sản phẩm trong nông nghiệp trên nguyên tắc bảo đảm phát triển sản xuất, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho HTX và cho Nhà nước.

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn làm thử khoán sản phẩm ở các địa phương, ngày 13-1-1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị 100-CT/TW “Về cải tiến công tác khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp”. Chỉ thị nêu rõ ba mục đích khoán sản phẩm là: bảo đảm phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế (trên cơ sở lời cuốn được mọi người hăng hái lao động, kích thích tăng năng suất lao động, sử dụng tốt đất đai, tư liệu sản xuất hiện có); củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất XHCN ở nông thôn; nâng cao thu nhập và đời sống nhân dân.

Nội dung chủ yếu của Chỉ thị 100 là cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các HTX, hoàn chỉnh hơn nữa chế độ “ba khoán” (khoán chi phí sản xuất, khoán công điểm, khoán sản phẩm), có thưởng phạt công minh của HTX đối với đội sản xuất; đồng thời cải tiến mạnh mẽ các hình thức khoán của đội sản xuất đối với xã viên bằng hai hình thức khoán cơ bản là: khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động (gọi tắt là khoán sản phẩm) và khoán việc cho nhóm và người lao động (gọi tắt là khoán việc).

Sau khi có Chỉ thị 100, khoán sản phẩm đã được thực hiện phổ biến ở các HTX và tập đoàn sản xuất. Nói chung, năng suất lúa ở những HTX thực hiện chế độ khoán mới đều tăng, nơi ít nhất cũng tăng 4-5%, nơi trung bình 15-20%, nơi nhiều tăng 50%. Sản lượng lúa ở những HTX đó đều tăng từ 10-15% so với năm trước. Ở Vĩnh Phú, vụ Đông - Xuân 1980-1981 có 303/488 HTX nông nghiệp đã thực hiện khoán sản phẩm cây lúa đến người lao động. Huyện trọng điểm lúa Vĩnh Lạc có 38/45 HTX thực hiện khoán, trong đó có 37.415 hộ nhận khoán (95% số hộ) và 48.920 lao động (80% số lao động) nhận khoán, 95,7% diện tích cây lúa được nhận khoán. Theo đánh giá của Ban Nông nghiệp Trung ương và Tỉnh ủy Vĩnh Phú về việc thực hiện Chỉ thị 100 ở huyện Vĩnh Lạc và huyện Lập Thạch cho thấy, việc

thực hiện khoán sản phẩm có nhiều mặt tích cực và cũng nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp, trong số 303 HTX trong toàn tỉnh thực hiện khoán, có 40% đạt yêu cầu (tức là HTX điều hành được 5 khâu); 40% số HTX chỉ điều hành được ba khâu; 20% số HTX đạt yêu cầu thấp trong đó có 12% khoán trắng. Riêng huyện Lập Thạch 25/38 HTX (65%) trượt sang khoán trắng. Nhìn chung, trong quá trình thực hiện khoán, vai trò của HTX chỉ còn một số khâu nhất định, hộ xã viên ngày càng trở thành đơn vị sản xuất tự chủ. Từ thực tế khoán sản phẩm, Tỉnh ủy đã rút ra một số vấn đề và kiến nghị với Trung ương về việc tuyên truyền cả về mặt tích cực và mặt hạn chế của chủ trương khoán sản phẩm, về chính sách thưởng, phạt trong khoán sản phẩm và vấn đề đảm bảo cung cấp vật tư cho sản xuất nông nghiệp. Vụ mùa năm 1981, số HTX áp dụng phương thức khoán mới trong tỉnh đã tăng lên 80%.

Cùng với khoán sản phẩm đối với cây lúa, hình thức khoán sản phẩm đối với chăn nuôi cũng được tỉnh áp dụng. Tại huyện Vĩnh Lạc, có 32/38 HTX thực hiện khoán sản phẩm cho ngành chăn nuôi. Có 85% số trại chăn nuôi tập thể áp dụng hình thức khoán. Các trại khoán chủ yếu là chi phí thức ăn và công nuôi dưỡng (tính theo 1kg lợn hơi tăng trọng hay 1kg lợn giống). Đối với chăn nuôi gia đình, các HTX vận dụng một cách sáng tạo, dựa vào diện tích dành cho chăn nuôi, theo chỉ tiêu nghĩa vụ của HTX, định mức kinh tế - kỹ thuật ngành trồng trọt và chăn nuôi, kết hợp khoán chăn nuôi với khoán trồng trọt trên đất dành cho chăn nuôi. Ví dụ ở HTX Nghĩa Hưng (Vĩnh Lạc), HTX giao khoán 11ha trên 27,3ha đất dành cho chăn nuôi, theo mức khoán 5,7tấn/ha/năm thóc, được quy thành 16.270kg lợn hơi. Mỗi gia đình nhận khoán trung bình 240m² và nộp cho HTX 34 kg lợn hơi và 80 kg phân chuồng loại I. Ở HTX Thổ Tang vận dụng khoán tương tự cho 5,5ha/ruộng. Trong phân thu của HTX, xã viên có thể tính đối

bằng lợn giống để HTX giao khoán cho xã viên và gia đình khác.

Sau 5 năm thực hiện cơ chế quản lý mới, ở Vĩnh Phú đã có 96% số hộ nông dân nhận khoán ruộng và 95% số hộ ở các huyện, xã có rừng nhận khoán đất rừng. Cơ chế khoán mới trong sản xuất nông nghiệp đã đi vào cuộc sống. Tuy còn nhiều hạn chế, nhưng Chi thị 100 ra đời và quá trình thực hiện đã mở ra triển vọng mới cho việc “thử nghiệm đổi mới”. Chi thị 100 được coi là bước đột phá đầu tiên vào mô hình hợp tác hoá - tập thể hoá, mốc quan trọng đánh dấu bước tiến mới trong cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp ở nước ta, đồng thời là một trong những cơ sở quan trọng để Đảng ta đề ra đường lối đổi mới toàn diện tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, trong đó trọng tâm là đổi mới kinh tế.

Thực hiện những tư tưởng đổi mới của Đại hội VI. trên cơ sở tổng kết thực tiễn ở các địa phương, ngày 5-4-1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 10-NQ/TW về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp (gọi tắt là “Khoán 10”). Nghị quyết thừa nhận hộ gia đình là đơn vị kinh tế tự chủ, thực hiện giao ruộng khoán cho hộ sử dụng lâu dài (15-20 năm) đối với đất trồng cây ngắn ngày, 1 đến 2 chu kỳ đối với cây dài ngày, ổn định sản lượng khoán, đảm bảo cho người trồng lúa có lãi (thu nhập) không dưới 40%. “Khoán 10” đã tạo nên một khí thế mới trong sản xuất nông nghiệp ở nước ta. Từ một nước nhập khẩu lương thực trong một thời gian dài, năm 1989, nước ta đã xuất khẩu gạo ra thế giới.

Tháng 3-1989, NQTU 6 (Khoá VI) xác định hộ xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ và tiếp tục khẳng định những phương hướng lớn trong đổi mới quản lý nông nghiệp của Đảng và Nhà nước. Tháng 6-1993, HNTU 5 (Khoá VII) ra nghị quyết về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, trong đó khẳng định thực hiện chính sách giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ nông dân. Đây là bước phát triển mới về đường lối đổi mới

trong quản lý kinh tế nông nghiệp. Đảng ta tiếp tục khẳng định vai trò của kinh tế hộ; phát triển một bước quan điểm về kinh tế hợp tác trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. Sau NQTU 5 (Khoá VII), Đảng ta tiếp tục bổ sung, phát triển đường lối đổi mới, trong đó có đổi mới nông nghiệp, nông thôn thể hiện qua một số nghị quyết như: Nghị quyết Hội nghị giữa nhiệm kỳ của BCHTW Đảng (Khoá VII), Nghị quyết Đại hội VIII, NQTU 5 (Khoá VIII), Nghị quyết Đại hội IX và Nghị quyết Đại hội X... đã tạo sức bật mới cho sự phát triển của nông nghiệp, nông thôn nước ta.

Nhìn lại quá trình “khoán hộ” và “khoán sản phẩm” ở Vĩnh Phúc, sau đó là ở một số địa phương khác, dù mới chỉ “đổi mới” ở một số khâu cụ thể của hệ thống cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, nông thôn nước ta, song thực tiễn đã góp phần quan trọng trong quá trình đổi mới nhận thức, tư duy về quản lý kinh tế nông nghiệp của các cơ quan hoạch định đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và trở thành một trong những cơ sở quan trọng ban đầu để Đảng ta đề ra Chi thị 100, Nghị quyết 10... Từ đó, đã từng bước giải quyết những khó khăn, tạo bước phát triển đột phá cho sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông thôn nước ta.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*. CTQG, H, 2006, tr. 71

2. Xem: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc (1930-2005)*, CTQG, H, 2007, tr. 361

3. Từ tháng 2 - 1968, hai tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ hợp nhất thành tỉnh Vĩnh Phú. Tháng 11-1996, kỳ họp thứ 10, Quốc hội Khóa XI ra Nghị quyết chia tách tỉnh Vĩnh Phú thành Phú Thọ và Vĩnh Phúc

4. Ngày 27-6-1980, Thành uỷ Hải Phòng ra Nghị quyết số 24/NQ-TU về “*Củng cố tổ chức hợp tác xã nông nghiệp nhằm đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm*” với chủ trương đẩy mạnh “khoán sản phẩm” tới nhóm và người lao động.